

Số: 19/2010/SL-LPQT

Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa U-dơ-bê-ki-xtan về miễn thị thực cho công dân mang hộ chiếu ngoại giao, ký tại Tashkent ngày 05 tháng 4 năm 2010, có hiệu lực từ ngày 04 tháng 6 năm 2010.

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2010

TL. BỘ TRƯỞNG

VỤ TRƯỞNG

VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ



Nguyễn Thị Hoàng Anh

Nơi nhận :

- Văn phòng Quốc hội (để báo cáo),
- Văn phòng Chủ tịch nước (để báo cáo),
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo),
- Phòng Công báo, Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo),
- Bộ Công an,
- Bộ Quốc phòng (Bộ tư lệnh Bộ đội biên phòng),
- Đại sứ quán Việt Nam tại U-dơ-bê-ki-xtan,
- Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh,
- Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao,
- Vụ Châu Âu, Bộ Ngoại giao,
- Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế, BNG.



HIỆP ĐỊNH
GIỮA
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA U-DO-BÊ-KI-XTAN
VỀ
MIỄN THỊ THỰC CHO CÔNG DÂN MANG HỘ CHIẾU NGOẠI GIAO

Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa U-dơ-bê-ki-xtan, sau đây gọi là “các Bên”,

Mong muốn thúc đẩy hơn nữa sự phát triển quan hệ hữu nghị giữa hai nước,

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của công dân hai nước mang hộ chiếu ngoại giao,

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1

Công dân của nước Bên này mang hộ chiếu ngoại giao còn giá trị, được miễn thị thực khi nhập cảnh, xuất cảnh hoặc quá cảnh lãnh thổ của nước Bên kia với thời gian lưu trú không quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhập cảnh.

Điều 2

Công dân của nước Bên này mang hộ chiếu ngoại giao còn giá trị và có ý định lưu trú trên lãnh thổ của nước Bên kia trên sáu mươi (60) ngày thì phải xin thị thực phù hợp trước khi nhập cảnh.

Điều 3

1. Công dân của nước Bên này mang hộ chiếu ngoại giao còn giá trị và thực hiện nhiệm vụ chính thức với tư cách là viên chức của cơ quan đại diện

ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự, được miễn thị thực khi nhập cảnh, xuất cảnh hoặc quá cảnh và lưu trú trên lãnh thổ của nước Bên kia trong suốt nhiệm kỳ công tác.

2. Các quyền quy định tại khoản 1 Điều này cũng được áp dụng đối với công dân của nước Bên này mang hộ chiếu ngoại giao còn giá trị và là đại diện của nước mình tại tổ chức quốc tế có trụ sở trên lãnh thổ của nước Bên kia hoặc làm việc tại các tổ chức quốc tế như vậy và mang hộ chiếu ngoại giao còn giá trị.

3. Thành viên gia đình (vợ/chồng và con vị thành niên) của những người nói tại khoản 1 và 2 Điều này cũng được hưởng các quyền nêu tại khoản 1 Điều này nếu chung sống cùng với họ trong suốt nhiệm kỳ công tác và mang hộ chiếu ngoại giao còn giá trị.

Điều 4

Công dân của nước Bên này nói tại Điều 1 và Điều 3 Hiệp định này phải nhập cảnh, xuất cảnh hoặc quá cảnh nước Bên kia qua các cửa khẩu quốc tế. Những người này cũng có nghĩa vụ phải tuân thủ các thủ tục có liên quan do các cơ quan có thẩm quyền của nước Bên kia quy định.

Điều 5

1. Công dân của nước Bên này khi lưu trú trên lãnh thổ của nước Bên kia có nghĩa vụ tuân thủ các luật và quy định của nước đó bao gồm các quy định về đăng ký, lưu trú, đi lại và quá cảnh áp dụng cho công dân nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà hai Bên đều là thành viên có qui định khác.

2. Hiệp định này không hạn chế việc mỗi Bên có quyền từ chối cho nhập cảnh hoặc chấm dứt việc lưu trú trên lãnh thổ nước mình đối với người không được hoan nghênh (persona non grata) là công dân của nước Bên kia mà không cần phải viện dẫn lý do.

Điều 6

1. Bộ Ngoại giao của các Bên sẽ trao cho nhau mẫu hộ chiếu ngoại giao hiện hành qua đường ngoại giao chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước ngày Hiệp định này bắt đầu có hiệu lực.

2. Nếu một Bên sửa đổi hoặc thay đổi mẫu hộ chiếu ngoại giao hiện hành thì phải chuyển cho Bên kia mẫu hộ chiếu ngoại giao mới trong vòng ba mươi (30) ngày trước khi đưa vào sử dụng.

Điều 7

1. Mỗi Bên phải đảm bảo tính bảo mật của các tài liệu, thông tin và các dữ liệu khác được tiếp nhận hoặc chuyển cho Bên kia trong khuôn khổ Hiệp định này hoặc bất kỳ thỏa thuận nào khác được ký kết phù hợp với Hiệp định này.

2. Các Bên thỏa thuận rằng khoản 1 Điều này vẫn tiếp tục có hiệu lực ngay cả trong trường hợp Hiệp định này chấm dứt hiệu lực.

Điều 8

1. Mỗi Bên có thể tạm thời đình chỉ việc thực hiện, toàn bộ hoặc một phần Hiệp định này vì các lý do trật tự xã hội, an ninh quốc gia, sức khỏe cộng đồng, hoặc các lý do khác.

2. Bên đình chỉ thực hiện Hiệp định này phải thông báo cho Bên kia về các biện pháp có liên quan và việc hủy bỏ các biện pháp đó qua đường ngoại giao trong thời gian sớm nhất có thể.

3. Trong trường hợp một Bên tạm thời đình chỉ một phần hoặc toàn bộ việc thực hiện Hiệp định này, Bên kia sẽ bảo lưu quyền hành động tương tự.

Điều 9

Các Bên có thể thỏa thuận sửa đổi hoặc bổ sung Hiệp định này dưới hình thức các nghị định thư riêng biệt. Các nghị định thư này sẽ là bộ phận không thể tách rời của Hiệp định này và có hiệu lực phù hợp với qui định tại Điều 11 Hiệp định này.

Điều 10

Mọi bất đồng hoặc tranh chấp nảy sinh trong việc giải thích hoặc thực hiện Hiệp định này sẽ được các Bên giải quyết thông qua tham vấn và thương lượng.

Điều 11

Hiệp định này có hiệu lực sau sáu mươi (60) ngày kể từ ngày ký.

Hiệp định này có hiệu lực vô thời hạn và chấm dứt hiệu lực sau chín mươi (90) kể từ ngày Bên này nhận được thông báo chính thức của Bên kia qua đường ngoại giao về ý định chấm dứt hiệu lực của Hiệp định này.

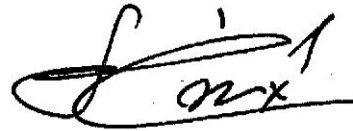
Làm tại Tashkent, ngày 05 tháng 4 năm 2010, thành hai (02) bản, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng U-dơ-bêch và tiếng Anh; các văn bản có giá trị như nhau. Văn bản tiếng Anh sẽ được dùng để giải thích các điều khoản của Hiệp định này.

**THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**



NGUYỄN QUỐC CƯỜNG
Thư trưởng Bộ Ngoại giao

**THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC
CỘNG HÒA
U-DƠ-BÊ-KI-XTAN**



ANVAR SALIKHBAEV
Thư trưởng Bộ Ngoại giao